CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL

Ngày 31/12/2025	8,170 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.0%	**-**	**-7.7%**

DT thuần
Q4/25
89.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 46.4| 107%
YoY: ▼255| -74.0%

LN thuần
Q4/25
-15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.9| -249%
YoY: ▼18.2| -622%

LN sau thuế
Q4/25
-13.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.66| -274%
YoY: ▼15.8| -619%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-1.3%
YoY: +/-▼ 1.6%

ROE
2025
-8.0%
YoY: +/-▼ 8.5%

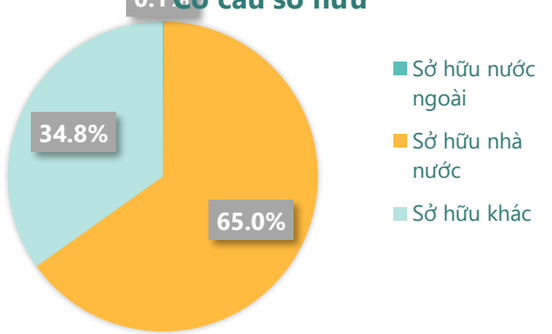
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,150 - 13,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
Số lượng CPLH (CP)	15,187,322
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,440
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.49
EPS	-974
P/E	-8.4

DT thuần
2025
1,018
tỷ VNĐ
YoY: ▼340| -25.1%

LN thuần
2025
-16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.9| -1701%

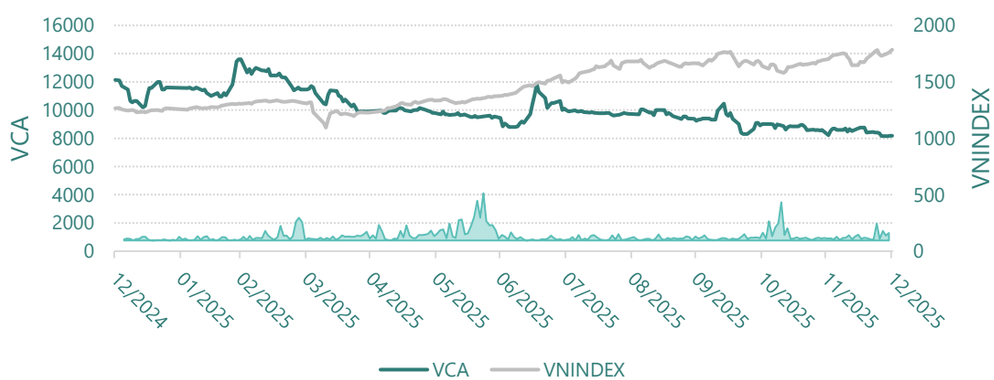
LN sau thuế
2025
-14.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.8| -1527%

Cơ cấu sở hữu

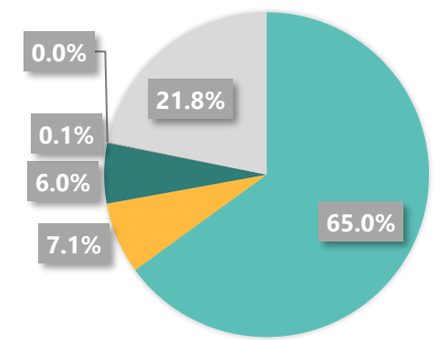


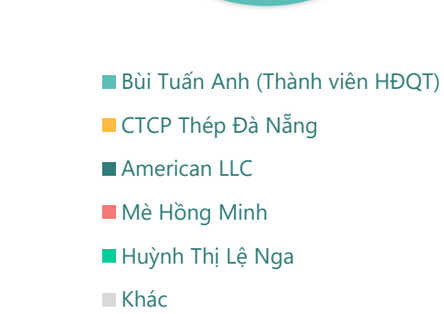
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

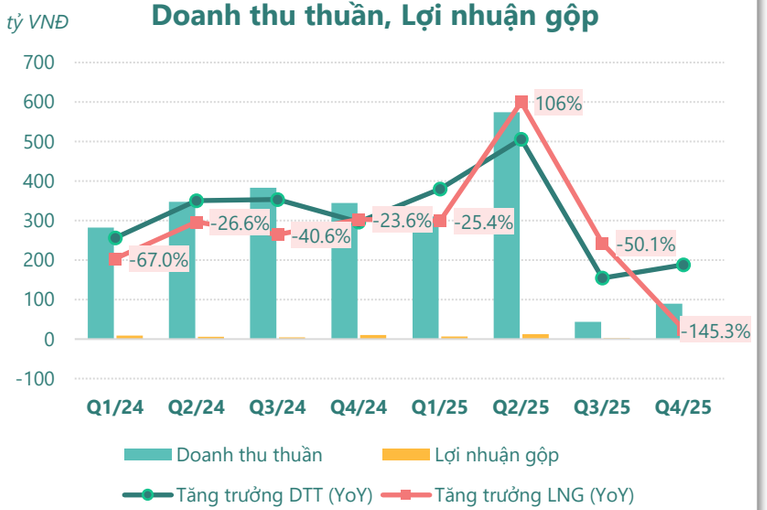




(Nguồn: fireant.vn)

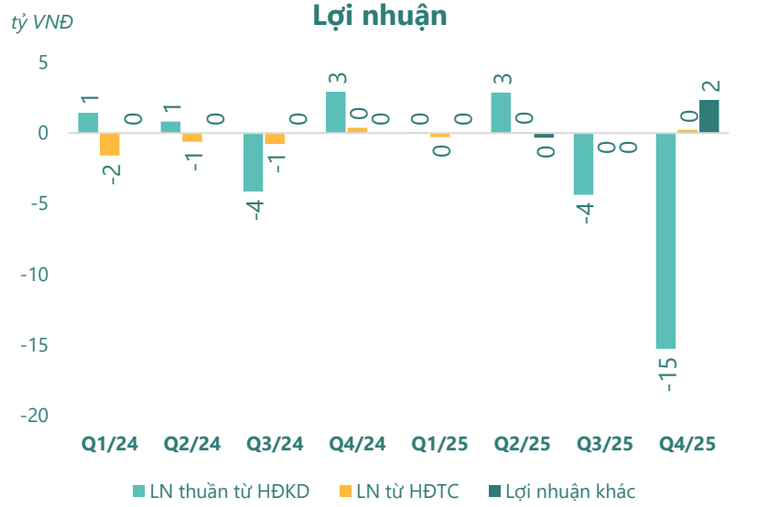
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



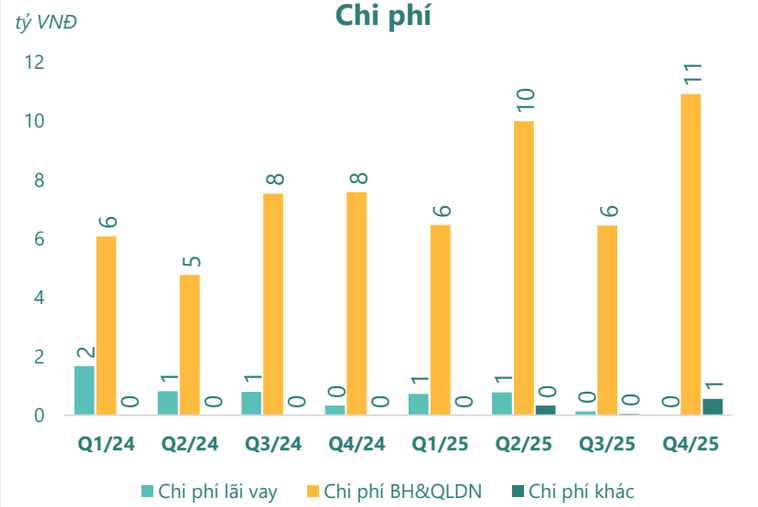
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



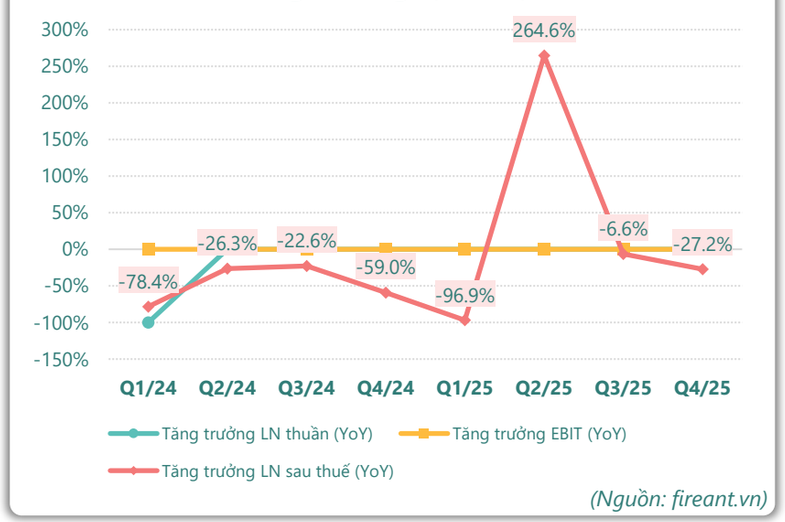
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



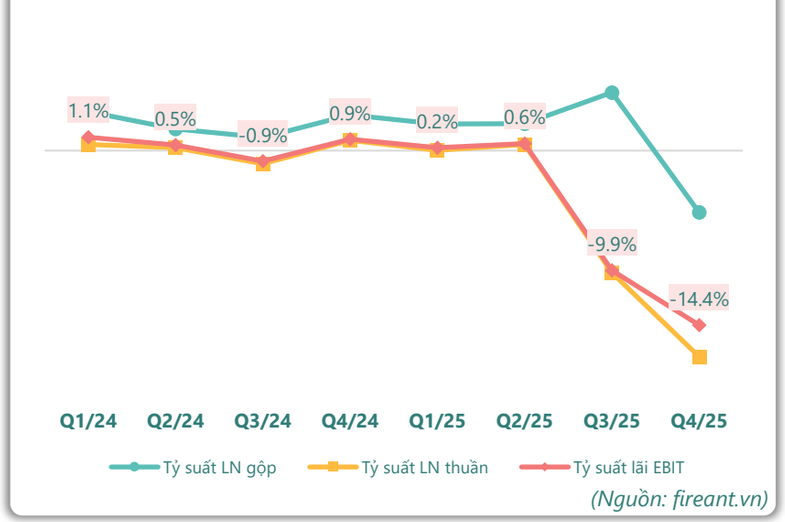
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



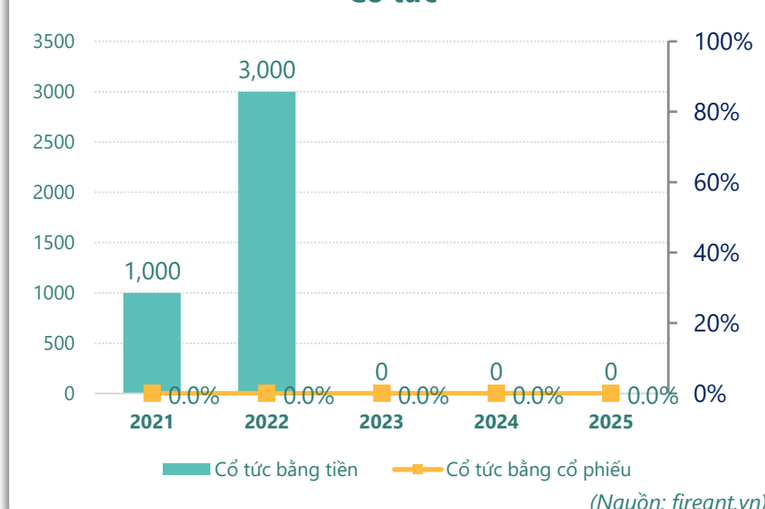
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

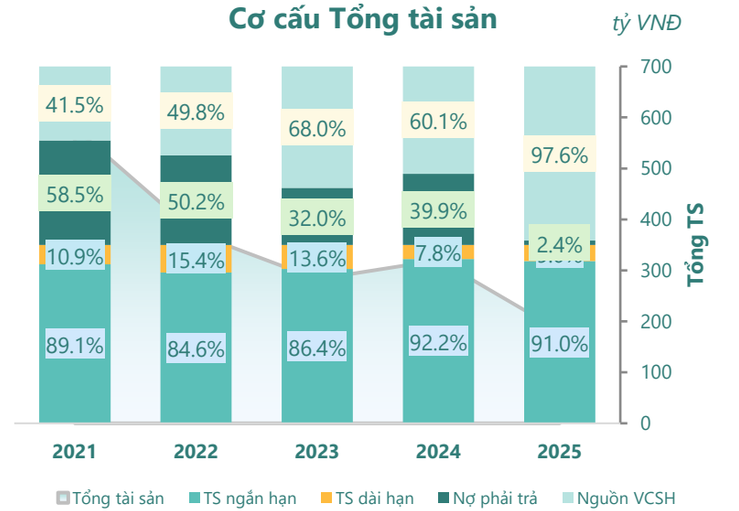
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

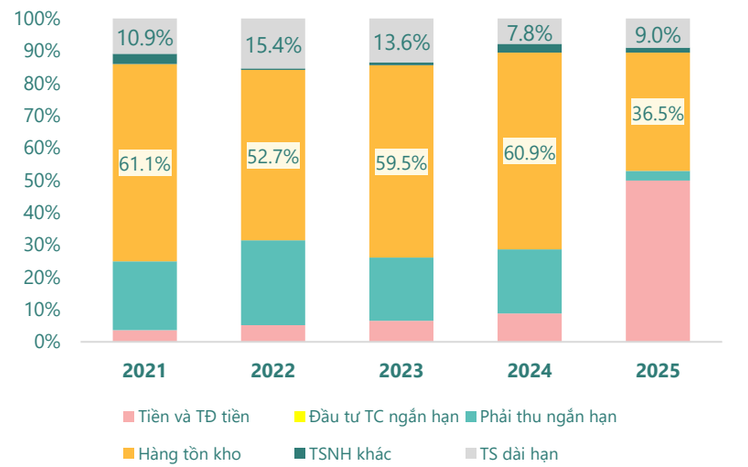
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



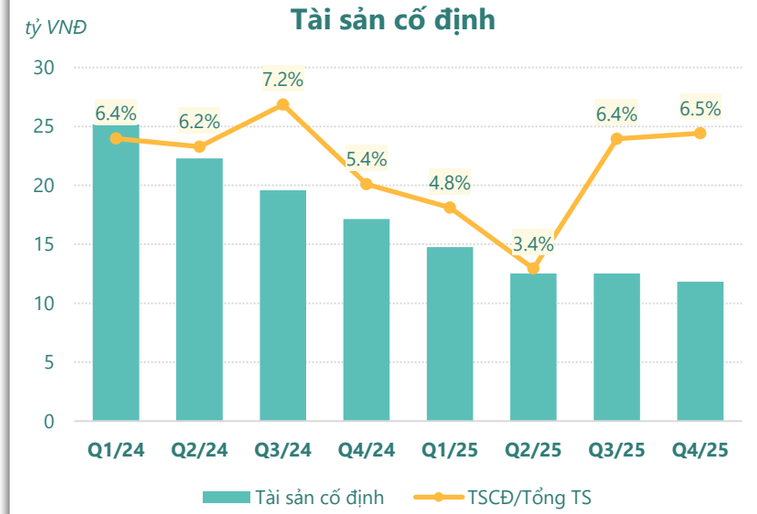
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



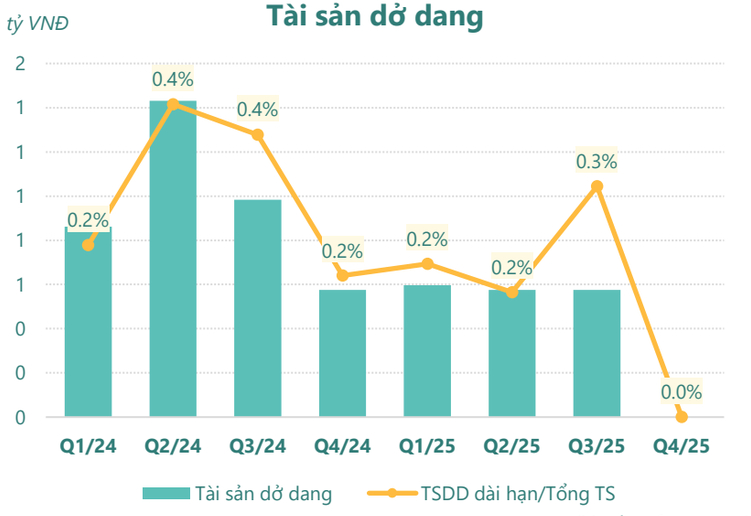
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



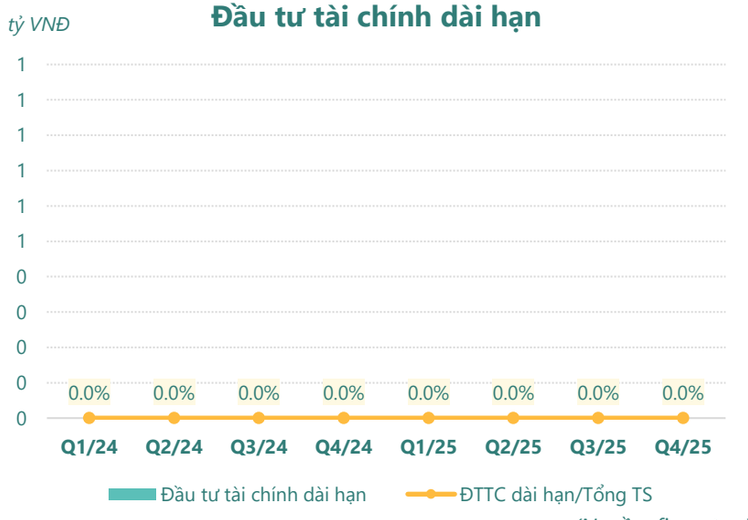
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



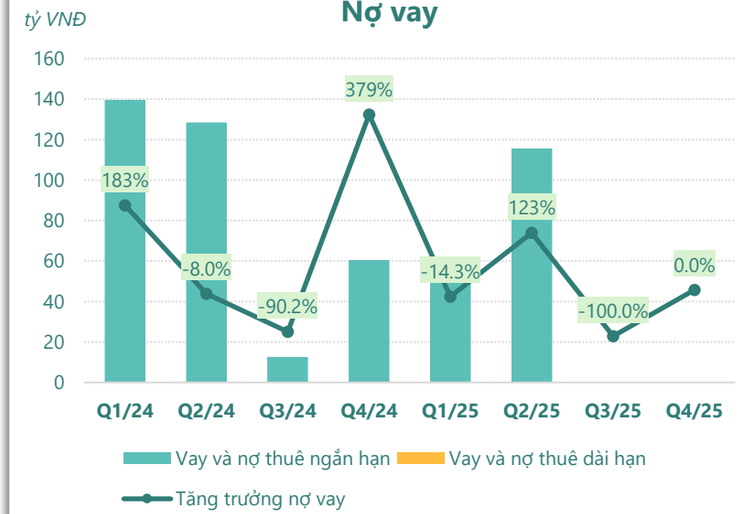
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

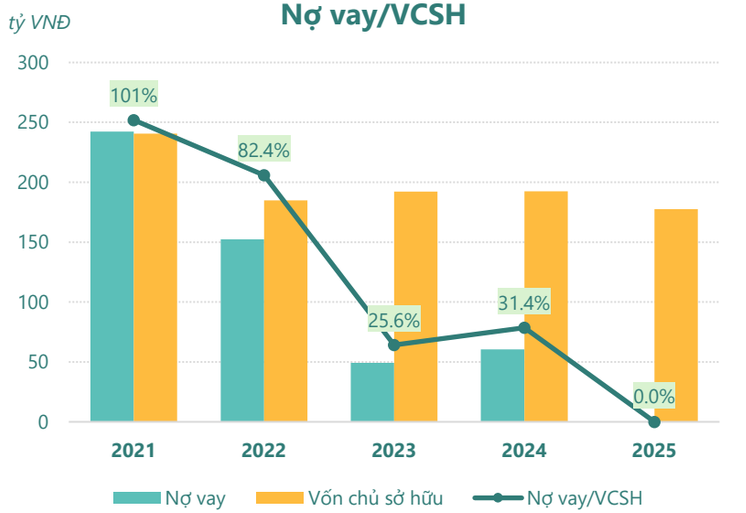
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

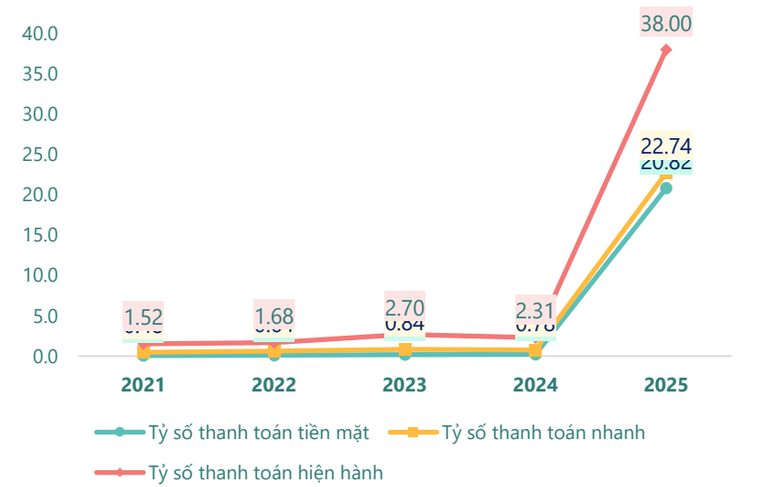
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



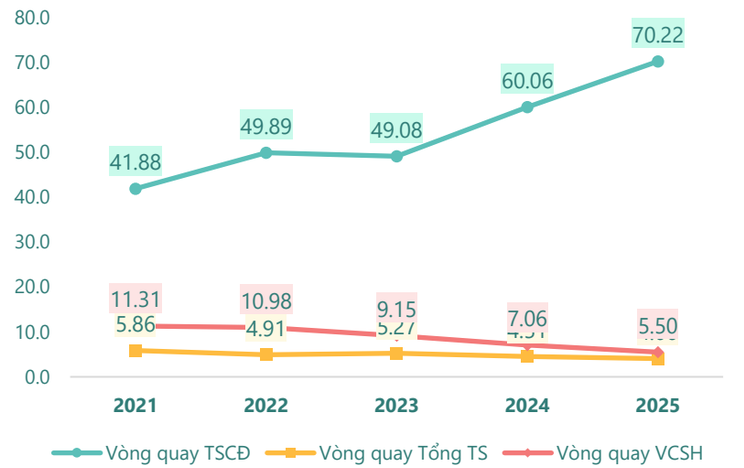
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



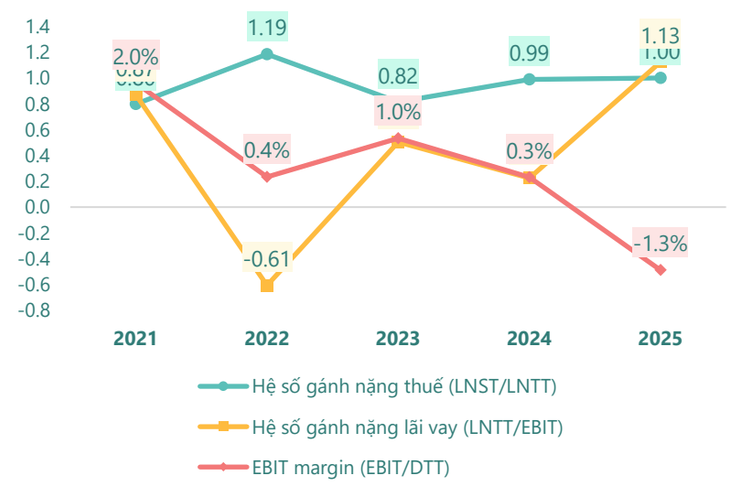
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



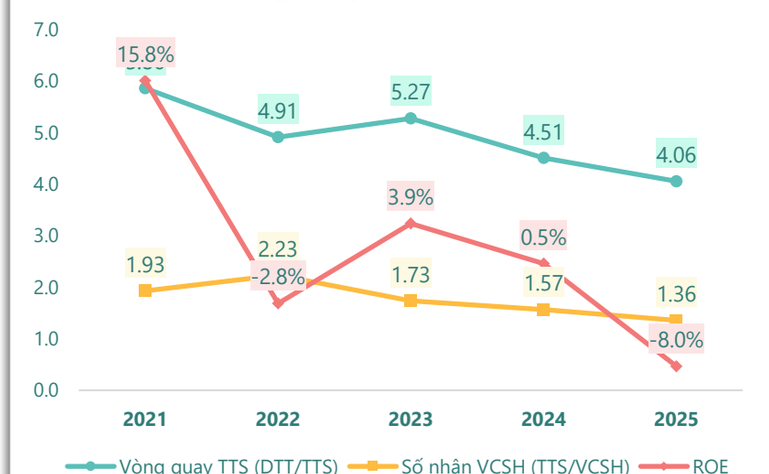
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



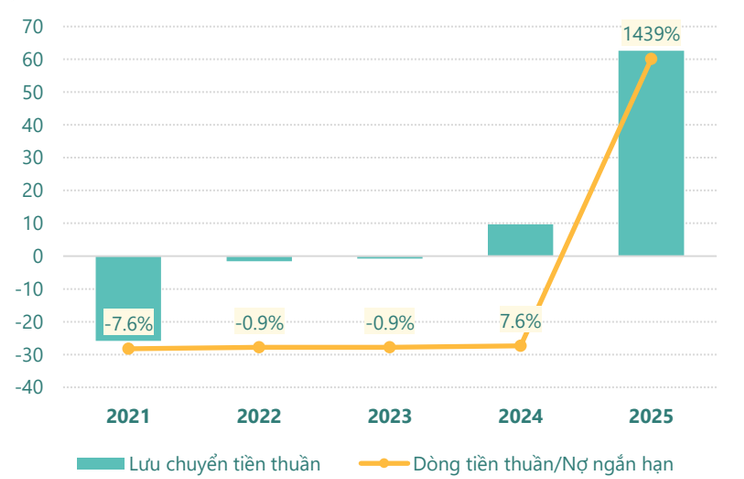
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**89.7**	**345**	**-74.0%**	**1,018**	**1,358**	**-25.1%**
Giá vốn hàng bán	94.3	335	-71.8%	1,000	1,328	-24.7%
Lợi nhuận gộp	-4.59	10.1	-145%	17.1	29.6	-42.3%
Doanh thu HĐTC	0.23	0.74	-68.7%	1.91	1.07	79.6%
Chi phí TC	0	0.36	-100%	1.92	3.67	-47.8%
Chi phí lãi vay	0	0.33	-100%	1.65	3.62	-54.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	3.18	-100%	8.07	12.7	-36.6%
Chi phí QLDN	**10.9**	**4.40**	**148%**	**25.8**	**13.2**	**94.7%**
LN thuần từ HĐKD	-15.3	2.93	-622%	-16.8	1.05	-1701%
Lợi nhuận khác	**2.34**	**0.00**		**1.96**	**0**	
LN trước thuế	-12.9	2.93	-542%	-14.8	1.05	-1514%
Lợi nhuận sau thuế	**-13.2**	**2.55**	**-619%**	**-14.8**	**1.04**	**-1527%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.2**	**2.55**	**-619%**	**-14.8**	**1.04**	**-1527%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	108	-26.1	-9.48	-52.8	103	79.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.14	0.00	0.01	0.03	2.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-116	47.8	-8.62	63.8	-116	-0.14
Tiền đầu kỳ	13.7	6.22	28.0	9.93	20.9	8.38
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.47**	**21.8**	**-18.1**	**11.0**	**-12.5**	**82.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	-0.01	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	6.22	28.0	9.93	20.9	8.38	90.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**182**	**320**	**-43.2%**
Tài sản ngắn hạn	165	295	-43.9%
Tiền và tương đương tiền	90.7	28.0	223%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.48	63.4	-91.4%
Hàng tồn kho	66.4	195	-65.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.86	8.62	-66.9%
Tài sản dài hạn	**16.4**	**25.1**	**-34.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.8	17.1	-30.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.58	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.51**	**7.37**	**-38.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.35	128	-96.6%
Nợ ngắn hạn	**4.35**	**128**	**-96.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	60.4	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.05	47.0	-99.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**177**	**192**	**-7.7%**
Vốn chủ sở hữu	**177**	**192**	**-7.7%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)